Appendices

List of the Appendices:

Appendix No 1- Questionnaire- English original

Appendix No 2- Questionnaire- Vietnamese version

Appendix No 3- In-depth interview questions

Appendix No 4- Statistical analysis

Appendix 1: Questionnaire – English original

Questionnaire on Vietnamese immigrants in the Czech Republic

---Focusing on the labour market integration under the impact of selected human capital characteristics---

The questionnaire is designed only for research purpose. It should take less than 10 minutes of your time. Your responses are voluntary and will be confidential. Responses will not be identified by individual.

Thank you so much for your kind participation!

Questions regarding human capital characteristics

1. How long have you been living in the Czech Republic until 30th June 2017?

□ 1-3 years
□ more than 3 years – 5 years
□ more than 5 years

2. Age:

□ 18 – 30
□ 31 – 50
□ 51 – 64

3. Gender:

□ Male
□ Female

4. Marital status:

□ Single
□ Married
□ Divorced
□ Widowed

5. Where were you born?

□ Czech Republic
□ Vietnam
□ Outside the Czech Republic and Vietnam

6. At what age did you move to the Czech Republic?

□ I was born in the Czech Republic
□ under 16
□ 16 and more

7. Please write down the city you are living:

……

8. Did you attend at least 3 years of school teaching in the Czech language?

□ Yes
□ No

9. What is your highest education level?

- □ under high-school
- □ Vocational high-school
- □ High-school (gymnasium)
- □ Bachelor degree
- □ Master degree
- □ PhD degree

10. What is your Czech language level?

- □ none
- □ Beginner (A1)
- □ Elementary (A2)
- □ Intermediate (B1)
- □ Upper intermediate (B2)
- □ Advanced (C1)
- □ Native speaker (C2)

<u>Questions regarding labour market integration</u>

11. Have you been working in the last three months up to today?

□ Yes, please specify:

- □ Full time
- □ Part-time

□ No (unemployed).

If NO, you do not have to answer the following questions.

12. How many hours do you work per week?

- □ 01 – 20 hours
- □ 21 – 40 hours
- □ 41 – 60 hours
- □ 61 – 80 hours
- □ 81 hours and more

13. Do you work on the weekend?

- □ Yes
- □ No

14. Do you work on national holidays?

- □ Yes
- □ No

15. What is the sector you are working on?

- □ Agriculture, forestry, fishing
- □ Mining and quarrying
- □ Manufacturing
- □ Construction
- □ Wholesale and retail trade; Repair and maintenance of motor vehicles
- □ Transport and storage
- □ Accommodation, meals and hospitality
- □ Information and communication activities
- □ Finance and Insurance
- □ Real estate activities
- □ Professional, scientific and technical activities
- □ Administrative and support activities
- □ Education
- □ Health and social care
- □ Cultural, entertainment and leisure activities
- □ Other activities

16. Which is your current occupation?

Major group	*Please choose the specific group within the major group here!*	ISCO-88 code	ISEI-88	EGP
☐ **Legislators, senior officials & managers**				
	☐ Legislators & senior officials	1100	**70**	**1**
	☐ Corporate managers (large enterprises)	1200	**68**	**1**
	☐ General managers (small enterprise)	1300	**51**	**2**
☐ **Professionals**				
	☐ Physical, mathematical & engineering science professionals	2100	**69**	**1**
	☐ Life science & health professionals	2200	**80**	**1**
	☐ Teaching professionals	2300	**69**	**2**
	☐ Other professionals	2400	**68**	**1**
☐ **Technicians and associate professionals**				
	☐ Physical & engineering science associate professionals	3100	**50**	**2**
	☐ Life science & health associate professionals	3200	**48**	**2**
	☐ Teaching associate professionals	3300	**38**	**3**
	☐ Other associate professionals	3400	**55**	**2**
☐ **Clerks**				
	☐ Office clerks	4100	**45**	**3**
	☐ Customer services clerks	4200	**49**	**3**
☐ **Service workers & shop & market sales workers**	☐ Personal & protective services workers	5100	**38**	**3**
	☐ Salespersons, models & demonstrators	5200	**43**	**3**
☐ **Skilled agricultural & fishery workers**	☐ Market-oriented skilled agricultural & fishery workers	6100	**23**	**10**
	☐ Subsistence agricultural & fishery workers	6200	**16**	**11**
☐ **Craft, etc. trades workers**				
	☐ Extraction & building trades workers	7100	**31**	**9**
	☐ Metal, machinery, etc. trades workers	7200	**34**	**8**
	☐ Precision, handicraft, printing, etc. trades workers	7300	**34**	**8**
	☐ Other craft, etc. trades workers	7400	**33**	**8**
	☐ Skilled workers (non-farm)	7500	**42**	**8**
☐ **Plant & machine operators & assemblers**	☐ Stationary-plant, etc. Operators	8100	**30**	**9**
	☐ Machine operators & assemblers	8200	**32**	**9**
	☐ Drivers & mobile-plant operators	8300	**32**	**9**
☐ **Elementary occupations**	☐ Sales & services elementary occupations	9100	**25**	**3**
	☐ Agricultural, fishery, etc. Labourers	9200	**16**	**9**
	☐ Labourers in mining, construction, manufacturing & transport	9300	**23**	**9**

Source: Ganzeboom & Treiman 1996

Appendix 2: Questionnaire – Vietnamese original

Khảo sát về người Việt tại Cộng hòa Séc

---Về các yếu tố nguồn lực ảnh hưởng tới việc hội nhập thị trường lao động---

Bảng câu hỏi chỉ dành cho mục đích nghiên cứu và sẽ tốn dưới 10 phút để hoàn thành.
Câu trả lời của bạn sẽ được bảo mật tuyệt đối.
Trân trọng cảm ơn sự tham gia của bạn!

Các câu hỏi liên quan tới các yếu tố nguồn lực

1. Bạn đã sống bao lâu tại Cộng hòa Séc cho tới ngày 30/06/2017?
   - □ 1-3 năm
   - □ hơn 3 năm – 5 năm
   - □ hơn 5 năm

2. Tuổi:
   - □ 18 – 30
   - □ 31-50
   - □ 51-64

3. Giới tính:
   - □ Nam
   - □ Nữ

4. Tình trạng hôn nhân:
   - □ Độc thân
   - □ Kết hôn
   - □ Li dị
   - □ Mất chồng/mất vợ

5. Bạn sinh ra tại:
   - □ Cộng hòa Séc
   - □ Việt nam
   - □ Ngoài Việt nam và Cộng hòa Séc

6. Bạn tới Cộng hòa Séc khi nào?
   - □ Tôi sinh ra tại Séc
   - □ dưới 16 tuổi
   - □ 16 tuổi và lớn hơn

7. Vui lòng viết thành phố bạn đang sống:
   ……..

8. Bạn có từng học ít nhất 3 năm tại trường học dạy bằng tiếng Séc?
   - □ Có
   - □ Không

9. Bậc học cao nhất của bạn là?
   - □ dưới phổ thông trung học/ cấp 3
   - □ Trường trung học nghề
   - □ Trường cấp 3 (gymnasium)
   - □ Đại học
   - □ Thạc sỹ
   - □ Tiến sĩ

10. Trình độ tiếng Séc của bạn như thế nào?
   - □ không biết
   - □ Mới bắt đầu (A1)
   - □ Cơ bản (A2)
   - □ Trung bình (B1)
   - □ Khá tốt (B2)
   - □ Rất tốt (C1)
   - □ Tiếng bản ngữ (C2)

Các câu hỏi về việc hội nhập thị trường lao động

11. Bạn có đang làm việc trong vòng 3 tháng tính đến ngày hôm nay?
   - □ Có, xin nêu rõ:
     - □ Toàn thời gian
     - □ Bán thời gian (làm thêm)
   - □ Không (Thất nghiệp).

   Nếu chọn KHÔNG, bạn không cần trả lời những câu tiếp theo.

12. Bạn làm việc bao nhiêu giờ một tuần?
   - □ 01–20 giờ
   - □ 21–40 giờ
   - □ 41 – 60 giờ
   - □ 61 – 80 giờ
   - □ 81 giờ và nhiều hơn

13. Bạn có làm việc và cuối tuần không?
   - □ Có
   - □ Không

14. Bạn có làm việc vào ngày lễ không?
   - □ Có
   - □ Không

15. Bạn đang làm việc trong lĩnh vực nào?
   - □ Nông lâm ngư nghiệp
   - □ Khai thác mỏ và đá quý
   - □ Sản xuất
   - □ Xây dựng
   - □ Bán lẻ và kinh doanh; sửa chữa và bảo dưỡng xe cộ
   - □ Vận tải và lưu trữ hàng hóa
   - □ Nhà hàng và khách sạn
   - □ Thông tin và truyền thông
   - □ Tài chính và bảo hiểm
   - □ Bất động sản
   - □ Các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và khoa học kỹ thuật
   - □ Hành chính và các hoạt động hỗ trợ
   - □ Giáo dục
   - □ Y tế và chăm sóc xã hội

□ Các hoạt động văn hóa và giải trí □ Lĩnh vực khác

16. Nghề nghiệp của bạn thuộc nhóm nào sau đây?

Nhóm chính		***Xin chọn một nhóm cụ thể dưới đây!***	**ISCO-88 code**	**ISEI-88**	**EGP**
□ **Quản lý hành chính và pháp luật**	□	Nhà lập pháp và viên chức cao cấp	1100	**70**	**1**
	□	Quản lý doanh nghiệp (doanh nghiệp lớn)	1200	**68**	**1**
	□	Quản lý chung (doanh nghiệp nhỏ)	1300	**51**	**2**
□ **Chuyên gia**	□	Chuyên gia khoa học và kỹ thuật	2100	**69**	**1**
	□	Chuyên gia y tế và xã hội	2200	**80**	**1**
	□	Chuyên gia giảng dạy	2300	**69**	**2**
	□	Các chuyên gia khác	2400	**68**	**1**
□ **Chuyên viên kỹ thuật và hỗ trợ**	□	Chuyên viên khoa học và kỹ thuật	3100	**50**	**2**
	□	Chuyên viên tế và xã hội	3200	**48**	**2**
	□	Chuyên viên giảng dạy	3300	**38**	**3**
	□	Các chuyên viên khác	3400	**55**	**2**
□ **Nhân viên văn phòng**	□	Nhân viên văn phòng	4100	**45**	**3**
	□	Nhân viên hỗ trợ khách hàng	4200	**49**	**3**
□ **Dịch vụ và nhân viên bán hàng**	□	Nhân viên dịch vụ cá nhân và bảo vệ	5100	**38**	**3**
	□	Người bán hàng, tiếp thị và làm mẫu	5200	**43**	**3**
□ **Lao động có tay nghề nông ngư nghiệp**	□	Lao động có tay nghề trong nông ngư nghiệp theo thị trường	6100	**23**	**10**
	□	Lao động có tay nghề trong nông ngư nghiệp cố định	6200	**16**	**11**
□ **Thủ công mỹ nghệ**	□	Công nhân xây dựng	7100	**31**	**9**
	□	Công nhân cơ khí, máy móc	7200	**34**	**8**
	□	Lao động thủ công mỹ nghệ và in ấn	7300	**34**	**8**
	□	Các lao động thủ công mỹ nghệ khác	7400	**33**	**8**
	□	Lao động có kỹ thuật không trong nông ngư nghiệp	7500	**42**	**8**
□ **Điều khiển và lắp rắp máy móc**	□	Người điều khiển máy móc và thiết bị cố định	8100	**30**	**9**
	□	Nhân viên lắp ráp	8200	**32**	**9**
	□	Lái xe và điều khiển máy móc di động	8300	**32**	**9**
□ **Các nghề cơ bản**	□	Lao động bán hàng phổ thông	9100	**25**	**3**
	□	Lao động phổ thông trong nông ngư nghiệp	9200	**16**	**9**
	□	Công nhân phổ thông trong xây dựng, khai thác, sản xuất và vận tải	9300	**23**	**9**

Nguồn: Ganzeboom & Treiman 1996

Appendix 3: In-depth interview questions

Questions for In-depth interviews on Vietnamese immigrants in the Czech Republic

__Focusing on the labour market integration under the impact of selected human capital characteristics__

1. What are the most common jobs that Vietnamese immigrants are working in the Czech Republic?

2. Do the children who obtained an education in the Czech Republic have better occupations than their parents in terms of income, working hours, working sectors? Or instead, the second generation follow their parents' jobs/ business?

3. How does education level affect your choices of jobs?

4. How important is the Czech language level in your work and seeking jobs?

5. Are you working for Vietnamese employers or Czech employers or others? Do you have any special reason for working for Vietnamese employers or Czech employers?

6. Do you work more than 40 hours per week? If yes, why do you have to work more than that?

Appendix 4: Statistical analysis results

1- Mutliple linear regression model for the whole sample (N = 185)

ANOVA	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Regression	6871.219	4	1717.805	16.127	0.000
Residual	15657.984	147	106.517		
Total	22529.204	151			

Coefficients	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(Constant)	10.339	5.051		2.047	0.042
Highest Education level	4.557	1.089	0.300	4.185	0.000
Czech language level	1.165	0.471	0.183	2.473	0.015
Residence duration	5.365	1.204	0.329	4.456	0.000
Gender	-4.584	1.693	-0.187	-2.707	0.008

2- Mutliple linear regression model for the first generation (N = 107)

ANOVA	Sum of Squares	Df	Mean Square	F	Sig.
Regression	3931.827	4	982.957	9.626	0.000
Residual	10416.192	102	102.120		
Total	14348.019	106			

Coefficients	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(Constant)	14.942	6.538		2.285	0.024
Highest Education level	1.931	1.613	0.110	1.197	0.234
Czech language level	2.614	0.926	0.256	2.824	0.006
Residence duration	5.254	1.242	0.373	4.228	0.000
Gender	-2.927	2.027	-0.125	-1.444	0.152

3- Mutliple linear regression model for the second generation (N = 78)

ANOVA	Sum of Squares	Df	Mean Square	F	Sig.
Regression	3109.871	4	777.468	6.947	0.000
Residual	4476.706	40	111.918		
Total	7586.578	44			

Coefficients	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(Constant)	15.795	15.715		1.005	0.321
Highest Education level	7.232	1.865	0.590	3.878	0.000
Czech language level	-0.498	1.535	-0.050	-0.325	0.747
Residence duration	4.240	4.855	0.107	0.873	0.388
Gender	-6.956	3.183	-0.268	-2.185	0.035